TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

(Phục vụ công tác đấu giá QSD đất, thay thế Trích lục số 404/TLBĐ ngày 06/6/2022)

Số : 765 /TLBĐ

Tỷ lệ 1/1000

Tên công trình: KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ SẦM SƠN

(Chủ đầu tư: UBND Thành phố Sầm Sơn)

Trích lục từ bản đồ địa chính số: 14, xã Quảng Thọ (nay là phường Quảng Thọ);
tờ số 19 và tờ 22 xã Quảng Châu (nay là phường Quảng Châu),
tờ số 8 xã Quảng Vinh (nay là phường Quảng Vinh) Tỷ lệ 1/ 2000 đo vẽ năm: 2015
và tờ bản đồ địa chính số: 78, phường Trường Sơn tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2010

Địa điểm: phường Quảng Thọ, phường Quảng Châu, phường Quảng Vinh và phường Trường Sơn - TP Sầm Sơn - tỉnh Thanh Hoá

Diện tích đã BT-GPMB đơn vị đề nghị lập trích lục: 115124.6 m^2

Trong đó:
- *Diện tích thuộc phường Quảng Châu là: 63813.0 m^2*
- *Diện tích thuộc phường Quảng Thọ là: 13937.4 m^2*
- *Diện tích thuộc phường Quảng Vinh là: 19127.2 m^2*
- *Diện tích thuộc phường Trường Sơn là: 16744.7 m^2*
- *Diện tích nằm trong hành lang đường điện 110KV : 1493.9 m^2*
- *Diện tích cột điện của đường dây 110KV (không đi dời): 8.4 m^2*

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT

STT	Tờ bản đồ	Thửa đất mới tạo thành	Diện tích	Loại đất	Ký hiệu lô trên MBQH	Ghi chú
I. PHƯỜNG QUẢNG CHÂU						
1	19	2466	2737.5	ODT	LK 1	Đất ở liền kề
2	19	2467	2934.4	ODT	LK 2	Đất ở liền kề
3	19	2468	3150.4	ODT	LK 9	Đất ở liền kề
4	20	667	2765.1	ODT	LK 7	Đất ở liền kề
5	20	668	2402.8	ODT	LK 5	Đất ở liền kề
6	20	669	2402.8	ODT	LK 3	Đất ở liền kề
7	20	670	248.0	DKV		Cây xanh
8	20	671	248.0	DKV		Cây xanh
9	20	672	278.2	DKV		Cây xanh
10	20	673	320.6	DKV		Cây xanh
11	20	674	3426.9	ODT	LK 10	Đất ở liền kề
12	20	675	2999.8	ODT	LK 8	Đất ở liền kề
13	20	676	2634.0	ODT	LK 6	Đất ở liền kề
14	20	677	2634.1	ODT	LK 4	Đất ở liền kề
15	20	678	693.3	ODT	BT1	Đất ở biệt thự
16	20	679	1699.8	ODT	BT2	Đất ở biệt thự
17	20	680	1405.0	DVH	NVH	Đất nhà văn hóa
18	20	681	2765.5	ODT	LK11	Đất ở liền kề
19	20	682	113.6	DKV	CX-5	Cây xanh
20	20	683	727.0	DGT	P	Đất bãi đỗ xe
21	20	684	1777.1	DKV	CX6	Cây xanh
22	20	685	25343.1	DGT		Đất giao thông
I. Cộng tổng			63813.0			
II. PHƯỜNG TRƯỜNG SƠN						
23	78	402	2029.6	ODT	BT2	Đất ở biệt thự
24	78	403	2042.7	ODT	BT1	Đất ở biệt thự
25	78	404	1856.1	ODT	BT 3	Đất ở biệt thự
26	78	401	384.1	DKV	CX6	Cây xanh
27	78	405	7592.2	DGT		Đất giao thông
II. Cộng tổng			16744.7			

STT	Tờ bản đồ	Thửa đất mới tạo thành	Diện tích	Loại đất	Ký hiệu lô trên MBQH	Ghi chú
III. PHƯỜNG QUẢNG THỌ						
28	14	2101	107.0	ODT	LK11	Đất ở liền kề
29	14	2102	103.0	DKV	CX-5	Cây xanh
30	14	2103	2971.0	ODT	LK12	Đất ở liền kề
31	14	2104	559.0	DGT	P	Đất bãi đỗ xe
32	14	2105	310.3	DKV	CX6	Cây xanh
33	14	2107	3251.0	ODT	LK13	Đất ở liền kề
34	14	2106	1707.5	ODT	BT 3	Đất ở biệt thự
35	14	2108	172.5	DKV	CX-7	Cây xanh
36	14	2109	173.6	ODT	LK14	Đất ở liền kề
37	14	2110	3985.0	DGT		Đất giao thông
III. Cộng tổng			13937.4			
IV. PHƯỜNG QUẢNG VINH						
38	8	2196	2697.4	ODT	LK14	Đất ở liền kề
39	8	2197	2209.5	ODT	BT 3	Đất ở biệt thự
40	8	2198	6462.2	DTT	TT	Đất thể thao
41	8	2199	5402.8	DGT		Đất giao thông
42	8	2200	382.1	DKV		Cây xanh
IV. Cộng tổng			19127.2			
Tổng = I + II + III + IV			113622.3			
Cây xanh cách ly (đường điện 110KV)			1493.9		HLD	
Đất cột điện			8.4			

Tổng diện tích đã BT-GPMB là: 115124.6 m^2

Trong đó:
- *Diện tích đất ở (ODT) là: 55219.4 m^2*
  (Đất biệt thự: 15069.5 m^2; đất liền kề: 40149.9 m^2)
- *Diện tích đất nhà văn hóa (DVH) là: 1405.0 m^2*
- *Diện tích đất cây xanh (DKV) là: 4838.4 m^2*
- *Diện tích đất giao thông (DGT) là: 46322.3m^2*
- *Diện tích bãi đỗ xe (DGT) là: 1292.0 m^2*
- *Diện tích đất thể thao (DTT) là: 4545.2 m^2*
- *Diện tích nằm trong hành lang đường điện 110KV: 1493.9 m^2*
- *Diện tích cột điện của đường dây 110KV (không đi dời): 8.4 m^2*

GHI CHÚ

- *Ranh giới khu đất được xác định theo Bảng thống kê mốc tọa độ ranh giới lập dự án (hệ VN2000) trong Bản vẽ ranh giới thực hiện dự án được UBND Thành phố Sầm Sơn phê duyệt kèm theo QĐ số: 3435/QĐ-UBND, ngày 23/9/2020*
- *Ranh giới lập quy hoạch thực hiện dự án*
- *Ranh giới hành chính cấp xã*
- *Ranh giới tờ bản đồ địa chính*
- *Nền bản đồ địa chính*
- *Nền Một bảng quy hoạch*
- *Phần diện tích nằm trong dự án khu đô thị sinh thái dọc hai bờ Sông Đơ (Phân kì III+IV) đã lập trích lục bản đồ địa chính số 20/TLBĐ ngày 14/01/2020 và được giao đất theo Quyết định số 5566/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và QĐ số 555/QĐ-UBND ngày 14/02/2020*
- *Vị trí, diện tích, ranh giới cột điện đường dây 110KV được xác định theo tọa độ trong Sơ đồ vị trí hiện trạng cột điện kèm theo Văn bản số 2340/UB.VĐ-TNMT ngày 14/5/2022 của UBND thành phố Sầm Sơn*

* *Các thửa từ 2469 đến 2193 Thửa mới tạo thành thuộc tờ BĐĐC số 19, xã Quảng Châu (nay là phường Quảng Châu) đo vẽ năm 2015*
* *Các thửa từ 667 đến 685 Thửa mới tạo thành thuộc tờ BĐĐC số 20, xã Quảng Châu (nay là phường Quảng Châu) đo vẽ năm 2015*
* *Các thửa từ 2196 đến 2200 Thửa mới tạo thành thuộc tờ BĐĐC số 8, xã Quảng Vinh (nay là phường Quảng Vinh) đo vẽ năm 2015*
* *Các thửa từ 2001 đến 2010 Thửa mới tạo thành thuộc tờ BĐĐC số 14, xã Quảng Thọ (nay là phường Quảng Thọ) đo vẽ năm 2015*
* *Các thửa từ 401 đến 405 Thửa mới tạo thành thuộc tờ BĐĐC số 78 phường Trường Sơn đo vẽ năm 2010*

* *Khu vực đơn vị đề nghị giao đất đã hoàn thành công tác BT-GPMB được xác nhận tại văn bản số 5487/UBND-TNMT ngày 10/11/2021 của UBND TP Sầm Sơn*
* *Trích lục Bản đồ lập theo đề nghị của UBND TP Sầm Sơn tại văn bản số 2340/UBND-TNMT ngày 14/5/2022 /.*
* *Lý do thay thế trích lục: Bóc tách phần diện tích hành lang 110KV thuộc lô CL1 đường điện, cây xanh cách ly*

PHÒNG KỸ THUẬT ĐỊA CHÍNH - VPĐK ĐẤT ĐAI THANH HOÁ		
Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2022	*Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2022*	*Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2022*
NGƯỜI THỰC HIỆN	KT.TRƯỞNG PHÒNG PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THANH HÓA
Đào Thị Thảo Chinh	Lê Thiện Thuấn	P. GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Cảnh